TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH TTH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2020/QĐST-DS	*Thành phố H, ngày 15 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 167/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phù Ngọc A; địa chỉ liên lạc: Số 18/320 đường BĐ, phường PH, thành phố H, tỉnh TTH;

- *Bị đơn:* Ông Mai Văn T; địa chỉ: Số 60/12 đường PTL, phường KL, thành phố H, tỉnh TTH;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích và hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoài N, luật sư của Công ty luật hợp danh TH thuộc Đoàn luật sư tỉnh TTH; địa chỉ: Số 70 PCT, thành phố H;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Mai Ngọc Hương L; địa chỉ liên lạc: Số 18/320 đường BĐ, phường PH, thành phố H, tỉnh TTH;

+ Bà Mai Thị Ngọc L; địa chỉ liên lạc: Số 18/320 đường BĐ, phường PH, thành phố H, tỉnh TTH;

+ Bà Mai Thị Ngọc H; địa chỉ liên lạc: Số 18/320 đường BĐ, phường PH, thành phố H, tỉnh TTH;

+ Bà Mai Thị Ngọc P; địa chỉ liên lạc: Số 18/320 đường BĐ, phường PH, thành phố H, tỉnh TTH;

+ Bà Mai Thị O, địa chỉ liên lạc: Số 24/27 đường HQV, phường AĐ, thành phố H, tỉnh TTH;

+ Bà Mai Thị L, địa chỉ liên lạc: Số 52 đường TND, phường TL, thành phố H, tỉnh TTH;

+ Bà Mai Thị H, địa chỉ liên lạc: Số 135 đường NCT, thành phố H, tỉnh TTH;

+ Bà Mai Thị H, địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Khe SA, huyện HH, tỉnh QT; đã ủy quyền cho bà Mai Thị H tham gia tố tụng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về xác định di sản thừa kế:

- Xác định di sản thừa kế chưa chia của ông Mai Văn B: Là ½ (một phần hai) thửa đất số B19, tờ bản đồ KQH có diện tích 85m2, tọa lạc tại Khu tái định cư BV, phường TX, thành phố H, được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tải sản khác gắn liền với đất số CC 451610 ngày 11/10/2016, đứng tên bà Phù Ngọc A là chủ sử dụng đất đồng thời là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Mai Văn B (Tức di sản của ông B là $85m^2/2 = 42,5m^2$);

- Xác định giá trị di sản của ông Mai Văn B: Các bên đương sự đều thống nhất thỏa thuận giá trị quyền sử dụng đất là 12.000.000 đồng/m2, thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật nên được công nhận. Vậy giá trị di sản của ông B được tính thành tiền là 42,5 m2 x 12.000.000 đồng/m2 = 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng)

2.2. Về xác định người thừa kế:

Hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông Mai Văn B gồm: Bà Phù Ngọc A (là vợ), bà Mai Ngọc Hương L (con), bà Mai Thị Ngọc L (con), bà Mai Thị Ngọc H (con), bà Mai Thị Ngọc P (con) và bà Lý Thị V (là mẹ kế);

Bà Lý Thị V chết sau ông B, nên các con của bà V được hưởng phần thừa kế của bà V (mà nếu bà V còn sống sẽ được hưởng từ ông B) gồm: Ông Mai Văn T, bà Mai Thị H, bà Mai Thị H, bà Mai Thị L và bà Mai Thị O.

2.3. Về thỏa thuận phân chia di sản:

- Các con của ông Mai Văn B gồm: Bà Mai Ngọc Hương L, Mai Thị Ngọc L, Mai Thị Ngọc H, Mai Thị Ngọc P đều nhất trí từ chối nhận di sản thừa kế được hưởng từ ông Mai Văn B;

- Bà Phù Ngọc A được nhận di sản là hiện vật nên phải thanh toán phần giá trị cho các bên, cụ thể như sau:

+ Bà Phù Ngọc A nhận di sản là hiện vật nên phải thanh toán phần giá trị di sản được hưởng cho các ông, bà: Mai Văn T, Mai Thị H, Mai Thị H, Mai Thị L, Mai Thị O với số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Các ông, bà: Mai Văn T, Mai Thị H, Mai Thị H, Mai Thị L, Mai Thị O cùng thỏa thuận cử bà Mai Thị H là người đại diện nhận số tiền trên từ bà Phù Ngọc A;

+ Bà Phù Ngọc A được nhận toàn bộ di sản của ông Mai Văn B là quyền sử dụng đất có diện tích 42,5 m2 tại thửa đất số B19, tờ bản đồ KQH có diện tích 85m2, tọa lạc tại Khu tái định cư BV, phường TX, thành phố H, được UBND thành phố H cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tải sản khác gắn liền với đất số CC 451610 ngày 11/10/2016, đứng tên bà Phù Ngọc A là chủ sử dụng đất đồng thời là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Mai Văn B. (Như vậy, bà Phù Ngọc A được toàn quyền sử dụng thửa đất số B19, vì ½ thửa đất là của bà và ½ thửa đất là của ông B mà bà được hưởng sau khi thanh toán phần giá trị cho các bên)

Bà Phù Ngọc A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật mà bên có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ thA toán theo thỏa thuận trên, thì hàng tháng bên có nghĩa vụ còn phải chịu thêm một khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3.Về chi phí thẩm định tài sản: Bà Phù Ngọc A tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng giá trị di sản được chia là 510.000.000 đồng (Năm trăm mười triệu đồng).

- Bà Phù Ngọc A phải chịu án phí trên phần di sản được hưởng từ ông Mai Văn B là [(510.000.000 đồng - 250.000.000 đồng) x 5%]/2 = 6.500.000 đồng, tuy nhiên, do Phù Ngọc A là đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp 6.500.000 đồng tiền án phí này;

- Các ông, bà: Mai Văn T, Mai Thị H, Mai Thị H, Mai Thị L, Mai Thị O phải chịu án phí theo phần được chia là (250.000.000 đồng x 5%)/2 = 6.250.000 đồng, nhưng bà Phù Ngọc A tự nguyện nộp thay phần án phí này. Như vậy, bà Phù Ngọc A phải nộp 6.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TTH;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu DS.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê